

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22A/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05- 02- 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Út

2. Ông Ngô Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phùng Nhật T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị L trình bày: Bà và ông Phùng Nhật T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông bà đã cố hàn gắn nhưng không được. Ông bà đã sống ly thân hơn 04 năm nay. Do đó, bà khởi kiện xin được ly hôn ông Phùng Nhật T.

Về con chung: Có 02 con chung là Phùng Kim N (giới tính: Nữ) sinh ngày 14/9/2012 và Phùng Kim N1 (giới tính: Nữ) sinh ngày 14/9/2012. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phùng Nhật T trình bày: Ông thống nhất ly hôn với bà L vì ông bà mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông xin Tòa án cho thêm thời gian, khoảng 03 tháng nữa, nếu bà L nuôi dạy con tốt thì ông đồng ý cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung trưởng thành và đồng ý ký tên vào biên bản hòa giải thành để ly hôn. Còn hiện tại, ông không đồng ý ký tên để ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung là Phùng Kim N (giới tính: Nữ), sinh ngày 14/9/2012 và Phùng Kim N1 (giới tính: Nữ) sinh ngày 14/9/2012. Ông đồng ý cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông T thay đổi ý kiến, đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện bà L phải trả cho ông số tiền 70.000.000 đồng mà ông đã đưa cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Mai Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phùng Nhật T và được quyền nuôi con chung nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn ông Phùng Nhật T cư trú tại khu vực 6, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Mai Thị L và ông Phùng Nhật T đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2013. Do đó, hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp. Bà L yêu cầu ly hôn với ông T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, bà đã tạo nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được. Do đó, từ cuối năm 2015, bà L đã sống ly thân với ông T cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đồng thời ông T cũng đồng ý ly hôn với bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, cho bà L ly hôn với ông T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Quá trình chung sống bà L và ông T có 02 con chung là Phùng Kim N (giới tính: Nữ), sinh ngày 14/9/2012 và Phùng Kim N1 (giới tính: Nữ) sinh ngày 14/9/2012. Hiện đang sống chung với bà L. Bà L có yêu cầu được nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết, cháu Phùng Kim N và Phùng Kim N1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Phùng Kim N (giới tính: Nữ) sinh ngày 14/9/2012 và Phùng Kim N1 (giới tính: Nữ) sinh ngày 14/9/2012 cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho hai cháu và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] *Về cấp dưỡng*: Do bà L chưa có yêu cầu trong vụ án này nên Tòa án chưa xem xét giải quyết.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà L và ông T trình bày không có và cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8] *Về yêu cầu của ông T*: Trong quá trình giải quyết, ông T không có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả lại số 70.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T mới có yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án. Trường hợp có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[9] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà L phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 192, Điều 195 và Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị L được ly hôn với ông Phùng Nhật T.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Kim N (giới tính: Nữ) sinh ngày 14/9/2012 và Phùng Kim N1 (giới tính: Nữ) sinh ngày 14/9/2012 cho à Mai Thị

L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phùng Nhật T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do à Mai Thị L chưa yêu cầu. Ông Phùng Nhật T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn à Mai Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0002832 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, bà L không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND phường B, TP Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Xuân Tình

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Văn Tâm

Lê Văn Út

Huỳnh Xuân Tình